



cáo pī
曹 丕

noun · Cao Pi (historical figure)

Example Sentences

Cáo Pī shì Cáo Cāo de ér zǐ
曹丕是曹操的儿子。

Cao Pi is the son of Cao Cao.

Cáo Pī jiàn lì le Wèi guó
曹丕建立了魏国。

Cao Pi established the Wei state.

cáo pī yě shì yī wèi wén xué jiā xiě guò diǎn lùn
曹丕也是一位文学家，写过《典论》。

Cao Pi was also a literary scholar who wrote 'Dian Lun'.

Trace each character, then write the word on your own.

曹	曹	曹	曹	曹	曹	曹	曹	曹	曹	曹
曹	曹	曹								

丕	丕	丕	丕	丕	丕	丕	丕			

